

Bản án số: 119/2021/HS-ST
Ngày: 17/11/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mười – Giáo viên nghỉ hưu
2. Ông Trương Khánh Thành – phó hiệu trưởng trường dân tộc nội trú huyện Đại Từ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng, Thư ký TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 118/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Ngô Văn L. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

Sinh ngày 17 tháng 10 năm 2004

Nơi ĐKKHKT và Chỗ ở: Xóm C, xã K, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hoá: Lớp 8/12. Con ông: Ngô Văn L, sinh năm 1983; Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1982, đều trú tại: xóm C, xã K, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình có 02 anh em. Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại tại địa phương - Có mặt tại phiên tòa.

* Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo L: Anh Ngô Văn Lực, sinh năm 1983. (có mặt)

Trú tại: xóm C, xã K, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

* Người bào chữa cho bị cáo L: Bà Nguyễn Ngọc Q – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

* Bị hại: Anh Trần Văn T, sinh năm 2001 (có mặt)

Địa chỉ: xóm S, xã K, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

** Người có quyền lợi, N vụ liên quan:*

1. Anh Đoàn Mạnh C, sinh năm 2003

Địa chỉ: xóm C, xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Chị Mè Thị Y, sinh năm 1999. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: xóm B, xã K, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: xóm C, xã K, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

4. Anh Diệp Vĩnh T, sinh năm 2005 (vắng mặt)

Địa chỉ: xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Anh Nguyễn Như N, sinh năm 2005 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: xóm S, xã Hóa Thượng, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

** Người làm chứng:* Anh Phạm Mạnh V, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: xóm S, xã K, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 18/5/2021 Ngô Văn L, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2004, đang ở nhà thì có bạn là Diệp Vĩnh T (sinh ngày 13/8/2005, trú tại xóm Tam Thái, xã Hóa Thượng, huyện Đ, thành phố Thái Nguyên) đến chơi. L nói với T không có phương tiện để đi lại nên T đã rủ L đi trộm cắp xe mô tô làm phương tiện đi lại, sau đó cả hai sẽ đi xuống khu công nghiệp Diềm Thụy tìm việc làm, L đồng ý. Sau khi bàn bạc thống nhất với nhau xong, T ở lại nhà L, đến khoảng 22 giờ cùng ngày L lấy xe đạp mini (sau xác định là xe của bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 là mẹ đẻ L) chở T đi quanh khu vực xã K, mục đích xem gia đình nào sơ sở trong việc quản lý xe mô tô thì sẽ thực hiện hành vi trộm cắp. Khi L chở T đến đường liên xã K - Hoàng Nông, cách nhà L khoảng 1km thì L và T phát hiện thấy tại sân nhà chị Mè Thị Y, sinh năm 1999, trú tại xóm S, xã K, huyện Đại Từ có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade BKS 20G1 - 488.92 màu đen, đầu xe quay vào trong nhà còn đuôi xe quay ra ngoài đường bê tông, không khóa cổ mà chỉ rút chìa khóa điện, cửa nhà chị Y khép hờ (sau xác định là xe của anh Trần Văn T, sinh năm 2001, trú tại xóm S, xã K, huyện Đại Từ để tại nhà chị Y). L và T quan sát thấy xung quanh không có người qua lại nên T và L đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. L dừng xe để T xuống đi bộ vào sân nhà chị Y, L tiếp tục điều khiển xe đạp đi chậm về phía ủy ban nhân dân xã K để canh gác, nếu T bị phát hiện thì L sẽ điều khiển xe đạp chở T bỏ chạy. Còn T, đi bộ vào trong sân nhà chị Y, T dùng tay dắt chiếc

xe mô tô BKS 20G1 - 488.92 đi ra ngoài cổng rồi dắt xe chạy về phía nhà L. L thấy T đã trộm cắp được xe mô tô nên L đạp xe về nhà đợi T. Khi T dắt xe vào trong nhà L, L lấy kéo, tô vít có sẵn ở nhà ra phá khóa xe. L dùng tô vít tháo 02 chiếc móc gắn ở xe ra, sau đó dùng kéo cắt dây khóa điện nối với ổ khóa điện của xe, rồi đấu dây điện lại để khởi động xe thì xe nổ máy. Lúc này, do L còn phải trông nhà, không đi Điềm Thụy với T ngay được nên L bảo T mang xe xuống thành phố Sông Công cầm lấy tiền tiêu sai nhưng T không đồng ý. Lo sợ nếu để chiếc xe mô tô trên ở nhà thì sáng ngày hôm sau, mẹ của L đi làm về sẽ phát hiện L và T trộm cắp tài sản nên L bảo T dắt xe ra ngoài đường dân sinh để, không chiếm đoạt chiếc xe mô tô nữa. T đồng ý và dắt chiếc xe mô tô ra ngoài ngã ba đường dân sinh cách cổng nhà L khoảng 50m để, rồi đi về nhà L ngủ. Đến sáng ngày 19/5/2021, T rời khỏi nhà L và đi lang thang tại khu vực di tích 27/7 thuộc TDP Bàn Cờ, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, T phát hiện thấy anh Đoàn Mạnh C (Sinh năm 2003, trú tại xóm 9, xã V, huyện Đại Từ) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Pream, màu nâu, BKS 20F5 - 2477 đến và để xe tại sân của khu di tích 27/7, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện, anh C đi vào trong khu di tích cùng với bạn. Lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của anh C, T tiến lại gần chiếc xe mô tô BKS 20F5 - 2477, dùng tay mở khóa điện rồi điều khiển xe về gặp Nguyễn Như N (sinh ngày 23/8/2005, trú tại xóm S, xã Hóa Thượng, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên). Tại nhà N, T kể với N vừa trộm cắp được chiếc xe mô tô BKS 20F5 - 2477. N đi vào trong bếp lấy con dao gọt hoa quả, dùng đầu nhọn của lưỡi dao, vặn ốc tháo biển số xe ra rồi mang ra sau nhà ném xuống ao của nhà N. Sau đó T và N điều khiển xe mô tô BKS 20F5 - 2477 đi lên khu vực cầu xã Vô Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên chơi và thống nhất nếu phát hiện có ai sơ hở trong quản lý tài sản thì sẽ trộm cắp xe mô tô, nhưng không trộm cắp được thêm chiếc xe nào nên N chở T về quán game gần nhà chơi game còn N điều khiển xe mô tô Trịnh trộm cắp của anh C về nhà.

Về phía anh Trần Văn T và anh Đoàn Mạnh C, sau khi phát hiện bị mất tài sản đã làm đơn trình báo Công an xã K và Công an thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ đề nghị giải quyết. Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an xã K cùng với quần chúng nhân dân phát hiện chiếc xe mô tô BKS 20G1 - 488.92 của anh T để tại khu vực ngã ba đường dân sinh xóm C, xã K.

Tại bản kết luận về định giá tài sản số 22/KL-HĐĐGTS ngày 23/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đại Từ kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đen, BKS 20G1 - 488.92, đăng ký lần đầu năm 2019 (loại xe cũ, đã qua sử dụng), tại thời điểm tháng 05/2021) có giá

9.000.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu PREAM, màu nâu, BKS 20F5 - 2477 (loại xe cũ đã qua sử dụng, tại thời điểm tháng 05/2021) có giá 1.500.000 đồng. Hiện tài sản đã được thu hồi trả lại cho anh Trần Văn T, Đoàn Mạnh C quản lý sử dụng.

Tại bản cáo trạng số 113/CT-VKSĐT ngày 07/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Ngô Văn L về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Ngô Văn L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 91 Điều 65 BLHS; xử phạt bị cáo Ngô Văn L 06 đến 09 tháng tù cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; xử lý vật chứng theo quy định, buộc bị cáo chịu án phí HSST theo quy định.

Trong phần tranh luận: Người bào chữa cho bị cáo L nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện Kiểm Sát huyện Đại Từ, đề nghị hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án như đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị.

Bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì. Bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị cáo, người bào chữa, bị hại và người có quyền lợi N vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo L khai nhận: Khoảng 08 giờ ngày 18/5/2021 bị cáo đang ở nhà thì có bạn là T đến chơi. Khi

ngồi chơi bị cáo nói không có xe để đi làm nên T đã rủ bị cáo đi trộm xe để xuống khu công nghiệp Diêm Thụy tìm việc làm, bị cáo đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày bị cáo lấy xe đạp mini của mẹ bị cáo chở T đi quanh khu vực xã K, mục đích xem gia đình nào sơ sỏ trong việc quản lý xe máy thì sẽ thực hiện hành vi trộm cắp. Khi bị cáo chở T đến đường liên xã K - Hoàng Nông, cách nhà bị cáo khoảng 1km thì phát hiện thấy tại sân nhà người dân có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade BKS 20G1 - 488.92 màu đen không khóa cổ mà chỉ rút chìa khóa điện, khi thấy nhà không có người trông coi, cửa nhà khép hờ nên bị cáo dừng xe để T xuống đi bộ vào sân để lấy xe, còn bị cáo tiếp tục điều khiển xe đạp đi chậm về phía ủy ban nhân dân xã K để canh gác để nếu T bị phát hiện thì bị cáo sẽ điều khiển xe đạp chở T bỏ chạy. T đi bộ vào trong sân dùng tay dắt chiếc xe mô tô BKS 20G1 - 488.92 đi ra ngoài cổng rồi dắt xe chạy về phía nhà bị cáo. Bị cáo thấy T đã trộm cắp được xe mô tô nên bị cáo đạp xe về nhà đợi T. Khi T dắt xe vào trong nhà bị cáo, bị cáo lấy kéo, tô vít có sẵn ở nhà ra phá khóa xe rồi đấu dây điện lại để khởi động xe thì xe nổ máy. Do bị cáo còn phải trông nhà, không đi Diêm Thụy với T ngay được nên bị cáo bảo T mang xe xuống thành phố Sông Công cầm lấy tiền tiêu sài nhưng T không đồng ý. Lo sợ nếu để chiếc xe mô tô trên ở nhà thì sáng ngày hôm sau, mẹ của bị cáo đi làm về sẽ phát hiện bị cáo và T trộm cắp tài sản nên bị cáo bảo T dắt xe ra ngoài đường dân sinh để, không lấy xe nữa. T đồng ý và dắt chiếc xe mô tô ra ngoài ngã ba đường dân sinh cách cổng nhà L khoảng 50m để, rồi đi về nhà L ngủ, sáng hôm sau T ra về. Việc T sau đó tiếp tục trộm cắp xe máy bị cáo không biết.

Người bị hại anh Trần Văn T xác định: Tối ngày 18/5/2021 tôi đi xe nhãn hiệu Honda Blade BKS 20G1 - 488.92 từ nhà đến nhà bà Lương Thị Chí rồi để xe ở sân nhà bà Chí đi soi cua cùng con bà Chí, khi về nhà bà Chí tôi vẫn thấy xe để ở sân, sau khi ra phía sau nhà rửa chân tay, khi quay lại lấy xe đi về nhà thì không thấy xe đâu nên tôi đã trình báo Công an. Nay tôi đã nhận lại xe, không có yêu cầu gì về phần dân sự. Tôi xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo vì bị cáo còn trẻ để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại Trần Văn T tại phiên tòa, lời khai có trong hồ sơ vụ án như lời khai người có quyền lợi N vụ liên quan Diệp Vĩnh T và các tài liệu khác. Như vậy hành vi của bị cáo Ngô Văn L đã phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Nội dung khoản 1 Điều 173 BLHS quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3]. Xét tính chất vụ án: Tính chất của vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng tuy nhiên hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, cụ thể trong vụ án này là anh Trần Văn T.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đồng thời bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s, h khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra bị hại trong vụ án có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[5]. Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự khi phạm tội bị cáo đang trong độ tuổi vị thành niên nên khi L hình cần áp dụng chế định đối với người chưa thành niên phạm tội.

[6]. Về hình phạt: Xét thấy bị cáo là người chưa thành niên, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Vì vậy không thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương như đề nghị của đại diện Viện Kiểm Sát để tạo điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo là người chưa thành niên, sống phụ thuộc vào gia đình nên cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản bị trộm cắp. Người có quyền lợi, N vụ liên quan đã nhận lại tài sản. Bị hại và người có quyền lợi, N vụ liên quan không có yêu cầu gì. Do đó, HĐXX không xem xét trách nhiệm dân sự trong vụ án này.

[8]. Về vật chứng của vụ án: 01 xe đạp mini màu H, 01 tô vít dài 30cm, cán bằng nhựa màu trắng trên chuôi in hình ngôi sao màu trắng dài 10cm, phần đầu tô vít bằng kim loại dài 20cm, 01 chiếc kéo bằng kim loại màu trắng dài 23cm có tay cầm bằng nhựa màu xanh, 01 con dao nhọn có chuôi bằng nhựa màu xanh dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 12cm, 02 móc treo đồ của xe máy bằng kim loại màu trắng là tài sản của chị Nguyễn Thị H, chị H

không biết L dùng làm phương tiện, công cụ phạm tội nên cần trả lại chị H là phù hợp.

[9]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước và được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Áp dụng:** Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 414, 415 và Điều 423 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

*** TuY bố:** Bị cáo Ngô Văn L phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Ngô Văn L 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuY án sơ thẩm. Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm N vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

*** Về vật chứng:** Áp dụng điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS.

- Trả chị Nguyễn Thị H 01 xe đạp mini màu H, 01 tô vít dài 30cm, cán bằng nhựa màu trắng trên chuôi in hình ngôi sao màu trắng dài 10cm, phần đầu tô vít bằng kim loại dài 20cm, 01 chiếc kéo bằng kim loại màu trắng dài 23cm có tay cầm bằng nhựa màu xanh, 01 con dao nhọn có chuôi bằng nhựa màu xanh dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 12cm, 02 móc treo đồ của xe máy bằng kim loại màu trắng.

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo L phải chịu 200.000 đ án phí HSST sung công quỹ nhà nước.

*** Về quyền kháng cáo:** Báo cho bị cáo, bị hại, người đại diện theo pháp luật của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi N vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuY án.

Người có quyền lợi, N vụ liên quan vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Công an huyện Đại Từ (3b);
- VKSND huyện Đại Từ (1b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Chi cục THADS H. Đại Từ (1b);
- THAHS (2b);
- Bị cáo, bị hại, NLQ, NBC(4b);
- Lưu hồ sơ (1b).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN DUY KHÁNH

